TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Đức Hữu
Bà Nguyễn Thị Thu
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2017/TLST- HNGĐ ngày 26/10/2017 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Xuân N, sinh năm 1981
Cư trú tại: Khu 02, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Kim S, sinh năm 1985
Cư trú tại: Thôn 01, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ông Lê Kim T, sinh năm 1957
2. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1960
Cư trú tại: Khu 02, , tỉnh Phú Thọ

Anh N, ông T có mặt, chị S và bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Lê Xuân N trình bày: Anh và chị Phạm Thị Kim S kết hôn năm 2003 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị S về chung sống cùng gia đình nhà anh. Trong thời gian chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ năm 2008 chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã C, huyện Đ để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ

chồng đã căng thẳng trầm trọng, không thể đoàn tụ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn là chị Phạm Thị Kim S xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Đến nay chị cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được nữa, anh N xin ly hôn chị nhất trí.

- Về con chung: Anh N và chị S xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Đức M, sinh ngày 12/3/2005, hiện đang ở với anh N. Sau khi ly hôn chị S và anh N thỏa thuận, anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh N.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh N và chị S đều xác định không có.

- Về công sức: Trong quá trình giải quyết chị S có đề nghị anh N và bố mẹ anh N là ông T và bà L phải thanh toán tiền công sức đóng góp là 20.000.000đ, nhưng đến nay chị S không đề nghị nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định:

+ Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa anh N và chị S.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận, anh Lê Xuân N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đức M, sinh ngày 12/3/2005. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh N.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh N và chị S xác định không có nên không phải giải quyết.

- Về thanh toán công sức: Chị S không đề nghị nữa nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân N và chị Phạm Thị Kim S kết hôn năm 2003 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên chỉ hòa thuận được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N và chị S bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ năm 2008 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị S đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Đến nay anh N và chị S đều nhất trí ly hôn, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh N và chị S có 01 con chung là Lê Đức M, sinh ngày 12/3/2005, hiện đang ở với anh N. Sau khi ly hôn anh N và chị S thỏa thuận, anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh N. Xét thỏa thuận của anh N và chị S là tự nguyện, không trái

quy định của pháp luật và đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M, do vậy cần chấp nhận.

[3].Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về công sức đóng góp: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6]. Chị S và bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Xuân N và chị Phạm Thị Kim S.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Xuân N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đức M, sinh ngày 12/3/2005. Chị Phạm Thị Kim S không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh N. Chị S có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có

4. Về thanh toán công sức: Không phải giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Xuân N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0004316 ngày 26/10/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Anh Lê Xuân N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh N và ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị S và bà L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Vũ Thường